TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 56/2018/DS-ST
Ngày 08-11-2018
v/v: Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình;

2. Ông Nguyễn Đức Binh;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2018/TLST- DS, ngày 30/8/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2018/QĐST-DS ngày 16/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2018/QĐST-DS, ngày 30/10/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Thành B**, sinh năm 1957. Có mặt.

Trú tại: Số 62 đường Trung Tâm xã NĐ, thôn 1, xã NĐ, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Trú tại: Số 31 LQĐ, khu phố 6, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

-Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1957 (vợ ông B).

Trú tại: Số 62 đường Trung Tâm xã NĐ, thôn 1, xã NĐ, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện cho bà Trần Thị T là ông Nguyễn Thành B- theo giấy ủy quyền lập ngày 02/10/2018.

-Bà **Trần Thị H**, sinh 1975. Vắng mặt.

Trú tại: Số 31 LQĐ, khu phố 6, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2018, bản khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành B đồng thời là người đại diện cho bà Trần Thị T trình bày, cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ông Nguyễn Thành B có cây xăng ở tại xã NĐ, huyện TL, tỉnh Bình Thuận. Từ năm 2017 đến 2018, ông Nguyễn Thành N mua xăng dầu của ông B để phục vụ cho việc san lấp mặt bằng (ông N có xe ben và xe múc). Đến ngày 14/2/2018, hai bên kết sổ nợ: Ông N còn nợ ông B số tiền mua xăng dầu là 80.506.000 đồng, đồng thời ông N ký xác nhận vào sổ nhật ký theo dõi việc mua bán xăng dầu giữa hai bên và chấp nhận chịu lãi suất 1,5%/tháng. Sau khi kết nợ ông N hẹn 03 tháng trả, nhưng vẫn không trả. Ngày 22/5/2018 ông N lại viết giấy xác nhận nợ và hẹn trong vòng 02 tháng sẽ trả. Tuy nhiên, đến nay ông N vẫn chưa trả đồng nào.

Nay ông B yêu cầu vợ chồng ông N, bà Trần Thị H phải trả số tiền nợ mua xăng dầu là 80.506.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày kết nợ cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,5% tháng.

Chứng cứ do ông B, bà T đưa ra là giấy theo dõi viêc mua bán xăng dầu và số nợ còn lại được ghi trên 01 trang giấy của quyển sổ và 01 giấy xác nhận (gồm 01 bản phô tô và 01 bản gốc).

Tại bản khai ngày 17/9/2018 bị đơn ông N khai: Trong quá trình làm san lấp mặt bằng, nên ông N có mua xăng dầu của ông B, còn nợ lại số tiền 80.506.000 đồng. Do chưa thu được nợ, nên ông N chưa có tiền trả. Ông N thừa nhận kể từ ngày viết giấy nợ thì ông chịu lãi 1,5%/tháng.

Tòa án tiến hành để các bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết vụ án, nhưng bị đơn ông N và bà H không tham gia, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Thành N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt họ.

[2] Đối với việc xác định pháp luật áp dụng trong quan hệ này là Bộ luật dân sự năm 2015, vì quan hệ dân sự này xác lập khi Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng mua bán tài sản, vì việc mua bán giữa hai bên đã kết thúc, nên xác định quan hệ tranh chấp là: Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền.

[4] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông Nguyễn Thành N và bà Trần Thị H phải trả số nợ tiền mua xăng dầu còn lại 80.506.000 đồng là có căn cứ; bởi vì nguyên đơn có đưa ra sổ theo dõi việc mua bán xăng giữa ông B và ông N, giấy xác nhận nợ của ông N, đồng thời ông N cũng thừa nhận còn nợ theo như yêu cầu của ông B. Ông N mua xăng dầu nhằm mục đích làm ăn trong gia đình. Do đó buộc ông N và bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông B và bà T số tiền

80.506.000 đồng là phù hợp Điều 430, khoản 1, 2 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu ông N, bà H chịu lãi chậm thanh toán 1,5%/tháng theo như thỏa thuận của hai bên, từ ngày kết nợ (14/2/2018) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là phù hợp với khoản 3 Điều 440 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể tiền lãi là:

(80.506.000đ x 1,5%) x (8 + 24/30) = 10.626.000 đồng

[6] Qua nhận định trên buộc ông N, bà H phải trả cho ông B, bà T số tiền nợ mua xăng dầu là 80.506.000 đồng và 10.626.000 đồng tiền lãi. Đồng thời ông N, bà H còn phải chịu lãi chậm thi hành án về sau.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc ông N bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông B.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 357, Điều 468, Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Thành N và bà Trần Thị H phải trả cho ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị T số tiền: 91.132.000 đồng (chín mươi mốt triệu một trăm ba mươi hai ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc 80.506.000 đồng, tiền lãi 10.626.000 đồng.

Kể từ ngày ông B và bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N và bà H chậm trả số tiền nêu trên, thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thành N và bà Trần Thị H phải chịu 4.556.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Thành B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.194.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018730 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 8/11/2018; ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái